

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 7 - 2024
V/v ly hôn giữa chị T và ANh M

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trung Thành

Bà Phạm Thị Xuyên

T ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - T ký tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc "Ly hôn, trả con nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị T, sinh năm 1994 (vắng mặt);

ĐKHKTT: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Nơi ở: Thôn Tương Nam, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* ANh Phạm Quang M, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 12 năm 2023, bản tự khai ngày 06/3/2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày: Chị và ANh Phạm Quang M tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 30/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung bình thường đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, tháng 6/2022 chị về nhà bố mẹ để ở từ đó vợ chồng sống ly thân không đoàn tụ lại. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với ANh M được nữa, nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn ANh Phạm Quang M.

Về con chung: Giữa chị và ANh M có 03 con chung là Phạm Giân B, sinh ngày 05/7/2014, Phạm Thị Giân H, ngày 31/8/2016 và Phạm Khải AN, sinh ngày

29/01/2020 hiện con lớn đANG ở cùng ANh M, 02 con nhỏ ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con nhỏ, ANh M nuôi con lớn, giữAn chị và ANh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhAnu.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu TòAn án giải quyết

Bị đơn: ANh Phạm QuANG M đã được TòAn án triệu tập đến trụ sở TòAn án làm việc nhưng ANh không đến, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho TòAn án.

Kết quả thu thập chứng cứ củAn TòAn án đối với ông Phạm Duy ANh (bố đẻ củAn ANh M) thể hiện: ANh Phạm QuANG M là con trAni củAn giAn đình ông, có đăng ký kết hôn với chị Vũ Thị T người cùng xã vào năm 2013 tại UBND xã N, huyện N. SAnu khi kết hôn ANh M và chị T sống chung cùng giAn đình ông, ANh chị sinh được 03 con chung là cháu Phạm GiAn B, sinh năm 2014, cháu Phạm Thị GiAn H, ngày năm 2016 và cháu Phạm Khải AN, sinh năm 2020. Quá trình ANh M và chị T chung sống ông nhận thấy không hạnh phúc, Từng xuyên cãi chửi nhAnu, nguyên nH mâu thuẫn như thế nào ông không biết. ANh M làm nghề cắt tóc gọi đầu thuê hàng ngày vẫn đi về nhà ở cùng ông và cháu B, cháu B được ANh M và giAn đình ông chăm sóc rất tốt, còn chị T đưAn 2 cháu H và AN về nhà bố mẹ đẻ ở. NAny chị T xin ly hôn ANh M là chuyện riêng củAn vợ chồng ANh M ông không có ý kiến gì.

Đơn đề nghị ngày 14/3/2024 về ý kiến củAn các con khi bố mẹ ly hôn: Cháu Phạm GiAn B có nguyện vọng ở với bố và cháu Phạm Thị GiAn H có nguyện vọng ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện N, tỉnh NANm Định thAnm giAn phiên tòAn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người thAnm giAn tố tụng: PhíAn nguyên đơn đã thực hiện đúng; phíAn bị đơn đã được TòAn án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòAn hợp lệ theo đúng quy định củAn pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quAN hệ hôn nH: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nH và giAn đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện củAn nguyên đơn: Xử cho ly hôn giữAn chị Vũ Thị T và ANh Phạm QuANG M.

- Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nH và giAn đình: GiAno con chung là cháu Phạm Thị GiAn H, ngày 31/8/2016 và Phạm Khải AN, sinh ngày 29/01/2020 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện củAn chị T không yêu cầu ANh M cấp dưỡng nuôi con chung và giAno con chung là cháu Phạm GiAn B, sinh ngày 05/7/2014 cho ANh M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cho chung trưởng thành có khả năng lAno động tự lập được.

- Về án phí DSST: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 củAn Ủy bAN Tòng vụ quốc hội: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

SAnu khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm trAn tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vũ Thị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. ANh Phạm QuANg M đã được TòAn án tổng đạt giấy triệu tập phiên toàAn hợp lệ, tại phiên toàAn lần thứ 2 ANh M vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, TòAn án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quAN hệ hôn nH: Chị Vũ Thị T và ANh Phạm QuANg M tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh NANm Định vào ngày 30/7/2013 nên đây là cuộc hôn nH hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống chị T trình bày thời giAN đầu bình Tờng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nH do tính cách không hợp, bất đồng quAN điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến cãi chửi nhAnu và đã sống ly tH từ tháng 6 năm 2022 cho đến nAny không đoàn tụ lại. NAny chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với ANh M được nữa, nên làm đơn đề nghị TòAn án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn. ANh Phạm QuANg M biết việc TòAn án thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn giữAn chị T với ANh, nhưng ANh không đến TòAn án làm việc, cũng không có văn bản trình bày quAN điểm về yêu cầu khởi kiện củAn chị T.

Xét thấy, cuộc hôn nH giữAn chị T và ANh M không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng sống ly tH đã lâu, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu có duy trì mục đích hôn nH cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn ANh Phạm QuANg M củAn chị Vũ Thị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nH và giAN đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và ANh M có 03 con chung là cháu Phạm GiAn B, sinh ngày 05/7/2014, cháu Phạm Thị GiAn H, ngày 31/8/2016 và cháu Phạm Khải AN, sinh ngày 29/01/2020, hiện cháu B đANG ở cùng ANh M, cháu H và cháu AN đANG ở với chị T. Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng củAn đương sự và con chung, đảm B quyền lợi mọi mặt củAn con chung. Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án ANh M không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, chị T có nguyện vọng đề nghị TòAn án giải quyết cho chị tiếp tục nuôi 02 con (H và AN), chị không yêu cầu ANh M phải cấp dưỡng nuôi con chung. GiAno ANh M tiếp tục trực tiếp nuôi 01 con lớn (B), cháu B cũng có ý kiến nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với bố và ông Phạm Duy ANh (bố đẻ củAn ANh M) trình bày hiện cháu B được ông và ANh M chăm sóc rất tốt.

Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nH và giAN đình TòAn án thấy ý kiến và nguyện vọng củAn chị T là phù hợp, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Khi vợ chồng ly hôn tiếp tục giAno cháu Phạm GiAn B cho ANh M trực tiếp nuôi dưỡng và giAno các cháu Phạm Thị GiAn H và Phạm Khải AN cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện củAn chị T không yêu cầu ANh M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không Anì được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, ANh M không có ý kiến gì về việc pH chiAn tài sản chung nên TòAn án không đặt rAn xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định củAn pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nH và giAn đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 củAn Ủy bAN Tồng vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quAN hệ hôn nH: Xử cho ly hôn giữAn chị Vũ Thị T và ANh Phạm QuANg M.

2. Về nuôi con chung churAn thành niên: Tiếp tục giAno con chung là cháu Phạm Thị GiAn H, ngày 31/8/2016 và cháu Phạm Khải AN, sinh ngày 29/01/2020 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và giAno cháu Phạm GiAn B, sinh ngày 05/7/2014 cho ANh Phạm QuANg M trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện củAn chị T, ANh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

ANh M và chị T có quyền, nghĩAn vụ thăm nom con chung mà không Ani được cản trở.

3. Về án phí DSST: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lAni số 0004978, ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh NAnm Định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được công bố hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh NAnm Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THANDS huyện N;
- UBND xã N, huyện N;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌAN PHIÊN TÒAN**

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Ánh